

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm
dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại
Vị trí 2 - thôn 7, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum”
(Trữ lượng tính đến ngày 30/12/2018)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Giấy phép thăm dò số 1231/GP-UBND ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH MTV Thiện Chí Kon Tum thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường (VLXDĐT) tại vị trí 2 - thôn 7, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Thiện Chí Kon Tum tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 24/01/2019;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 51/TTr-STNMT ngày 12/02/2019 (kèm theo hồ sơ và Biên bản họp thẩm định Báo cáo thăm dò khoáng sản ngày 11/01/2019),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát làm VLXDĐT tại vị trí 2 - thôn 7, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum”, với các nội dung chính như sau:

1. Diện tích thăm dò, phê duyệt trữ lượng: 1,52 ha (có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát làm VLXDTT đã tính trong báo cáo kết quả thăm dò cấp 122: 25.166 m³ (Hai mươi lăm ngàn, một trăm sáu mươi sáu mét khối).

3. Tài nguyên cấp 333 (dự tính cát bồi lắng hàng năm): 5.000 m³/năm.

4. Các khoáng sản đi kèm: Cuội, sạn, sỏi làm VLXDTT cấp 122: 4.441 m³ (Bốn ngàn, bốn trăm bốn mươi một mét khối).

5. Mức sâu khối trữ lượng phê duyệt: Trung bình 1,945 m (Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo).

6. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:

- Trữ lượng cát làm VLXDTT cấp 122 huy động vào thiết kế khai thác: 25.166 m³ (Hai mươi lăm ngàn, một trăm sáu mươi sáu mét khối).

- Trữ lượng cuội, sạn, sỏi làm VLXDTT cấp 122 huy động vào thiết kế khai thác: 4.441 m³ (Bốn ngàn, bốn trăm bốn mươi một mét khối).

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Trong quá trình khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản cần xem xét các ý kiến kết luận của Biên bản họp thẩm định ngày 11/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Đắk Hà; Giám đốc Công ty TNHH MTV Thiện Chí Kon Tum và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Cục Kiểm soát HĐKS miền Trung;
- VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN6.

u

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn



**TỌA ĐỘ KHU VỰC PHÊ DUYỆT
TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

(Kèm theo Quyết định số: 164/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Kon Tum)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000	
	Kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
1	1.624.785	549.575
2	1.624.785	549.620
3	1.624.600	549.615
4	1.624.430	549.580
5	1.624.430	549.544
6	1.624.600	549.570
Diện tích 1,52 ha		

(Handwritten signature/initials)

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: 164/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Kon Tum)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu của khối trữ lượng (trung bình)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	122	1,945 m	25.166	Cát vàng
			4.441	Cuội, sạn, sỏi
Tổng trữ lượng			29.607	

u